

Bản án số: 18/2019/HSST

Ngày: 09-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn

Cán bộ hưu trí xã M – thành phố L

2. Bà Lê Thị Thanh Vân

Cán bộ tư pháp phường M – thành phố L

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2019/TLST-HS ngày 28/02/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS ngày 28/3/2019 đối với bị cáo:

PHÙ THANH H (H râu), sinh năm 1993 tại thành phố L, tỉnh An Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 23/2, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phù Văn Bé B và bà Nguyễn Thị L; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 08/3/2017, bị TAND thành phố L, tỉnh An Giang ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và chấp hành xong quyết định ngày 05/7/2018. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2018 đến nay và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1997. Địa chỉ: Khóm Đ4, phường

M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vương Thu Q, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khóm Đ4, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt

2. Bà Lương Thị H, sinh năm 1968. Địa chỉ: số 36/21, khóm T, phường T, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt

3. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện PĐ, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 06/12/2018, Phù Thanh H cùng Phạm Hồng T, Nguyễn Hoàng K đến quán Hai C thuộc phường M, thành phố L để uống bia. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô chở K về, riêng H ra bờ sông phía trước quán đi vệ sinh thì phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Wave S màu trắng, biển số 67B1-396.31 của anh Nguyễn Tấn Đ, trên xe còn gắn chìa khóa, H liền đến mở khóa và điều khiển xe đến khu vực chợ M. Tại đây, H gặp Nguyễn Ngọc H và cho biết vừa trộm được xe, H nhờ H tìm chỗ cầm xe. Tiếp đó, H tháo biển số trên xe rồi thay vào biển số 65F5-6027 và chở H đến nhà bà Lương Thị H tại phường Mỹ T cầm xe được 4.000.000đ. Đến ngày 08/12/2018, Hiếu đến cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố L đầu thú.

Bà Lương Thị H nhờ người tên Trần Thế V giao nộp xe mô tô biên số 65F5-6027, số khung RLHJC5215CY420065, số máy bị tẩy xóa cho Công an thành phố L.

Kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 194/KL.HĐ ngày 09/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố L xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Wave S, biển số 67B1-396.31, có số khung RLHJC5215CY420065, số máy JC52E4264395 đã qua sử dụng, trị giá 10.714.000đ.

Kết luận giám định số 10/KLGT-PC09 ngày 21/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, xác định: xe mô tô có gắn biển số 65F5-6027, số khung RLHJC5215CY420065 không bị đục sửa, không bị cắt hàn, không bị tẩy xóa, không bị hoen gỉ; số máy bị tẩy xóa.

Cáo trạng số: 15/CT-VKS ngày 27/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân

thành phố L, truy tố Phù Thanh H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015

Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo Phù Thanh H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Tấn Đ yêu cầu bị cáo bồi thường 2.000.000đ để phục hồi số máy bị đục sửa; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lương Thị H yêu cầu bị cáo bồi thường 4.000.000đ và được bị cáo đồng ý bồi thường. Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 công nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo theo yêu cầu của anh Đ và chị H.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 quần jean dài màu xanh, 01 áo sơ mi tay dài sọc caro trắng đen (là tài sản cá nhân của bị cáo không yêu cầu nhận lại) và 01 biển số xe mô tô 65F5-6027.

* Bị cáo Phù Thanh H khai nhận: Khoảng 20 giờ 30 ngày 06/12/2018, sau khi uống rượu với bạn tại quán Hai C, phường M, bị cáo phát hiện xe mô tô biển số 67B1-396.31 của anh Nguyễn Tấn Đ dựng cặp lề đường trước quán Hai C, trên xe còn gắn chìa khóa nên bị cáo đến lấy xe chạy về chợ M gặp Nguyễn Ngọc H (bạn quen biết do cai nghiện chung tại Lương An Trà) nhờ tìm chỗ cầm xe. Sau đó H dẫn xe vào bên trong chợ thay biển số xe và chở bị cáo đến nhà bà Lương Thị H cầm được 4.000.000đ, cả hai lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân, riêng số máy trên xe bị cáo không biết H đã tẩy xóa. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh Nguyễn Tấn Đ và bà Lương Thị H.

Đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, bị cáo không có ý kiến tranh luận, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội vừa qua. Bị cáo không yêu cầu nhận lại các tài sản cá nhân bị thu giữ.

Bị hại Nguyễn Tấn Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên Vương Thu Q, Lương Thị H, Lê Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra,

* Bà Vương Thu Q, anh Nguyễn Tấn Đ khai: Xe mô tô biển số 67B1-396.31 do bà Vương Thu Q (mẹ đẻ của anh Đ) mua và đưa cho Đ sử dụng nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản. Ngày 06/12/2018, anh Đ cùng bạn có đến quán Hai C để uống bia và dựng xe trước quán thì bị mất trộm, hiện anh Đ đã nhận lại xe từ cơ quan Công an. Anh Đ yêu cầu bị cáo bồi thường 2.000.000đ chi phí làm lại số máy bị tẩy xóa (BL 76 – 79).

* Bà Lương Thị H khai: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 06/12/2018, Nguyễn Ngọc H có đến cầm chiếc xe mô tô biển số 65F5-6027, giá cầm cố xe là 4.000.000đ, bà H không biết xe do phạm tội mà có. Ngày 08/12/2018, bà H có nhờ người tên Trần Thế V giao nộp cho Công an chiếc xe nêu trên. Bà H yêu cầu bị cáo bồi thường 4.000.000đ (BL 86 – 89).

* Ông Lê Văn Đ khai: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Lifan, màu đỏ, biển số 65F5-6027 được ông Đ mua năm 2001. Hiện chiếc xe có biển số nêu trên ông đã bán cách đây khoảng 6 – 7 năm, không nhớ rõ người mua. Ông Đ không yêu cầu về dân sự (BL 95 – 96).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không kêu oan, không khiếu nại.

[2] Về thủ tục tố tụng

Anh Nguyễn Tấn Đ, bà Vương Thu Q, ông Lê Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát không ý kiến về việc vắng mặt của những người này và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy, quá trình điều tra, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai, thể hiện yêu cầu bồi thường thiệt hại; Giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án triệu tập họ tham dự phiên tòa hợp lệ và tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu, đảm bảo quyền lợi của họ nên việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về trách nhiệm hình sự

Ngày 06/12/2018, bị cáo Phù Thanh H đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô biển số 67B1-396.91 của anh Nguyễn Tấn Đ và nhờ

Nguyễn Ngọc H đem cầm cho bà Lương Thị H được 4.000.000đ để mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra vụ án.

Tài sản bị cáo chiếm đoạt theo kết luận số 194/KL.HĐ ngày 09/12/2018 có giá trị là 10.714.000đ. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo Phù Thanh H theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm tù.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo Phù Thanh H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với hành vi của Nguyễn Ngọc H, do H đã bỏ trốn nên Cơ quan điều tra không xác định được H đang ở đâu. Mặt khác, ngoài lời khai của bị cáo Hiếu không đủ chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của H nên Cơ quan điều tra làm rõ, xử lý sau.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội

Bị cáo là thanh niên đã trưởng thành, khỏe mạnh, nhận thức được hành vi của bản thân. Lẽ ra, như những thanh niên khác, bị cáo phải siêng năng lao động tạo ra thu nhập để nuôi sống bản thân, sống có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng ngược lại, bị cáo muốn nhanh chóng có tiền mà không phải lao động cực nhọc, cũng như để có tiền mua ma túy sử dụng nên đã liều lĩnh thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngay tại nơi bị cáo cùng bạn đến uống bia, phía trước quán có gắn camera an ninh ghi lại hình ảnh của bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (BL 102 – 112), điều này thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật, bất chấp tất cả để chiếm đoạt tài sản, bị cáo biết rõ hành vi trên là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[5] Về nhân thân

Bị cáo từng bị Tòa án nhân dân thành phố L ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Sau khi chấp hành xong quyết định, bị cáo lại tiếp tục tái nghiện và thực hiện hành vi phạm tội hình sự. Do đó, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, thuộc trường hợp phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự

Bị hại Nguyễn Tấn Đ đã nhận lại tài sản và yêu cầu bị cáo bồi thường 2.000.000đ để phục hồi số máy bị đục sửa; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lương Thị H yêu cầu bị cáo bồi thường 4.000.000đ. Hai khoản yêu cầu bồi thường được bị cáo đồng ý nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này.

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra - Công an thành phố L có chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/3/2019, gồm:

- 01 quần jean dài màu xanh, 01 áo sơ mi tay dài sọc caro trắng đen. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo nhưng tại phiên tòa, bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 biển số xe mô tô 65F5-6027, theo xác minh của cơ quan điều tra biển số này đăng ký xe tên Lê Văn Đ nhưng ông Đ đã bán xe, không xác định được người mua xe. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tịch thu tiêu hủy là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Phù Thanh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 106; Điều 136; Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt Nguyễn Tấn Đ, Vương Thu Q, Lê Văn Đ.

Tuyên xử:

[1] Xử phạt: **Bị cáo Phù Thanh H** **01 (một) năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2018.

[2] Xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 quần jean dài màu xanh, 01 áo sơ mi tay dài sọc caro trắng đen và 01 biển số xe mô tô 65F5-6027 (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang).

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn Tấn Đ 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lương Thị H 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- NCQL và NVLQ;
- Chi cục T.H.A TPL;
- Nhà Tạm Giữ CA.TPL;
- Sở tư pháp tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

Nguyễn Quốc Nam